

QUY ĐỊNH

Cơ sở dữ liệu thành phố, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/2026/QĐ-UBND
của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố; kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước; xây dựng và triển khai Khung kiến trúc số thành phố; cung cấp và khai thác dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc liên quan đến các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu dùng chung là cơ sở dữ liệu được cấp có thẩm quyền quyết định xây dựng để phục vụ truy cập và sử dụng chung cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình và phục vụ chia sẻ ra bên ngoài cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khai thác, sử dụng. Cơ sở dữ liệu dùng chung trong cơ quan nhà nước bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, cơ sở dữ liệu thành phố.

2. Cơ sở dữ liệu thành phố là cơ sở dữ liệu dùng chung của một hoặc một số lĩnh vực kinh tế - xã hội được xây dựng, cập nhật và duy trì đáp ứng yêu cầu truy nhập và sử dụng thông tin của các ngành kinh tế và phục vụ lợi ích công cộng, phù hợp với các yêu cầu và mục đích sử dụng được quy định tại Quy định này.

3. Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố là tập hợp phần cứng, phần mềm và hệ quản trị cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích lưu trữ, quản lý dữ liệu, quản lý việc cập nhật, duy trì, khai thác cơ sở dữ liệu thành phố.

4. Chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố là sở, ban, ngành, địa phương hoặc cơ quan, tổ chức khác được giao chủ trì việc xây dựng, cập nhật, duy trì, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu thành phố.

5. Đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu là đơn vị, tổ chức được chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố giao nhiệm vụ quản lý, quản trị dữ liệu.

6. Đơn vị vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố là đơn vị, tổ chức được chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố giao nhiệm vụ vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố. Trong trường hợp thuê dịch vụ vận hành của doanh nghiệp, doanh nghiệp vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố là bên cung cấp dịch vụ.

7. Dữ liệu chủ là dữ liệu gốc chứa thông tin cơ bản nhất để mô tả một đối tượng cụ thể làm cơ sở để tham chiếu, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu hoặc các tập dữ liệu khác nhau. Dữ liệu chủ thuộc cơ sở dữ liệu thành phố được sử dụng thống nhất, xuyên suốt toàn thành phố để tham chiếu, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu của sở, ban, ngành, địa phương; dữ liệu chủ thuộc cơ sở dữ liệu của sở, ban, ngành, địa phương được sử dụng thống nhất, xuyên suốt trong sở, ban, ngành, địa phương và tham chiếu, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu, tập dữ liệu trong sở, ban, ngành, địa phương đó.

Chương II

XÂY DỰNG, CẬP NHẬT, DUY TRÌ VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THÀNH PHỐ; CHIA SẺ CƠ SỞ DỮ LIỆU THÀNH PHỐ VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA CƠ QUAN KHÁC CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố

1. Cơ sở dữ liệu thành phố được xây dựng, khai thác và sử dụng thống nhất từ thành phố đến cấp xã. Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố được quản lý, xây dựng, vận hành tập trung.

2. Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố thống nhất quản lý về dữ liệu của thành phố. UBND thành phố phân công một cơ quan làm chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố để thực hiện quản lý, khai thác và sử dụng theo chức năng, nhiệm vụ. Dữ liệu phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc cơ quan nào, thì cơ quan đó chịu trách nhiệm cập nhật dữ liệu chính xác, kịp thời vào cơ sở dữ liệu thành phố.

3. Việc tuân thủ quy định về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ sở dữ liệu thành phố được thực hiện thường xuyên, liên tục, từ khâu thiết kế, xây dựng, cập nhật, duy trì, đến khai thác và sử dụng; bảo đảm kết nối giữa hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố với các hệ thống thông tin khác là thống nhất; tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Khung kiến trúc số thành phố; tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Dữ liệu chủ của cơ sở dữ liệu thành phố

1. Dữ liệu chủ phải chứa mã định danh đối tượng.

2. Cơ sở dữ liệu thành phố khác nhau không chứa dữ liệu chủ trùng lặp trừ mã định danh đối tượng.

3. Khi dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu thành phố thay đổi thì tất cả các dữ liệu tham chiếu trong các cơ sở dữ liệu, tập dữ liệu khác tương ứng với dữ liệu chủ này phải thay đổi theo.

Điều 5. Phê duyệt, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu thành phố

1. Cơ sở dữ liệu thành phố được đề xuất đưa vào danh mục phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có mục tiêu phục vụ quản trị thành phố, hoặc phục vụ giám sát, phân tích, nghiên cứu, hoạch định chính sách phát triển của thành phố;

b) Có chứa dữ liệu chủ, trừ trường hợp đặc biệt là Cơ sở dữ liệu tổng hợp thành phố;

c) Có phạm vi khai thác và sử dụng rộng rãi trên toàn thành phố, được kết nối, chia sẻ với sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan nhà nước phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính, cải cách hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp hoặc phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Cơ sở dữ liệu thành phố phải nằm trong Danh mục cơ sở dữ liệu thành phố. Sở, ban, ngành, địa phương đề nghị bổ sung, cập nhật, điều chỉnh Danh mục cơ sở dữ liệu thành phố, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đánh giá. Trường hợp đủ điều kiện, Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND thành phố phê duyệt cập nhật, điều chỉnh danh mục. Tài liệu thuyết minh về cơ sở dữ liệu được đề nghị bổ sung, cập nhật, điều chỉnh trong Danh mục cơ sở dữ liệu thành phố bao gồm các nội dung sau:

a) Tên cơ sở dữ liệu thành phố;

b) Mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu thành phố;

c) Phạm vi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu thành phố;

d) Thông tin về dữ liệu chủ của cơ sở dữ liệu thành phố;

đ) Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố;

e) Nguồn thông tin được xây dựng và cập nhật vào cơ sở dữ liệu thành phố;

g) Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu thành phố.

3. Cơ sở dữ liệu thành phố đã có trong Danh mục cơ sở dữ liệu thành phố mà không triển khai xây dựng trong 5 năm kể từ thời điểm đưa vào Danh mục sẽ mặc định được đưa khỏi Danh mục cơ sở dữ liệu thành phố. Trường hợp tự đề nghị đưa cơ sở dữ liệu ra khỏi Danh mục cơ sở dữ liệu thành phố, chủ quản cơ sở dữ liệu phải có văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh lý do cơ sở dữ liệu không còn đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 Điều này.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp, đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bảo đảm tính thống nhất, không trùng lặp trong phát triển dữ liệu và cơ sở dữ liệu thành phố, trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt cập nhật, điều chỉnh Danh mục cơ sở dữ liệu thành phố.

Điều 6. Yếu tố cơ bản của cơ sở dữ liệu thành phố

1. Các bên liên quan bao gồm:

- a) Chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố;
- b) Đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu trong cơ sở dữ liệu thành phố;
- c) Đơn vị vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố;
- d) Các bên liên quan đến việc khai thác, sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu thành phố.

2. Các hoạt động liên quan bao gồm:

- a) Xây dựng cơ sở dữ liệu thành phố;
- b) Cập nhật cơ sở dữ liệu thành phố;
- c) Duy trì cơ sở dữ liệu và vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố;
- d) Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu;
- đ) Quản lý cơ sở dữ liệu.

3. Các thành phần liên quan bao gồm:

- a) Kiến trúc dữ liệu, kiến trúc hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố và các tài liệu kiến trúc khác;
- b) Dữ liệu chủ;
- c) Cơ sở dữ liệu;
- d) Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố.

Điều 7. Xây dựng cơ sở dữ liệu thành phố

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu thành phố bao gồm các hoạt động:

- a) Thiết kế kiến trúc dữ liệu phù hợp với Khung kiến trúc số thành phố;
- b) Thiết lập hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố số để lưu trữ, quản lý việc cập nhật, duy trì, khai thác dữ liệu bao gồm hạ tầng kỹ thuật, phần cứng, nền tảng, phần mềm, ứng dụng thông qua việc đầu tư mới, hoặc thuê dịch vụ hoặc sử dụng hệ thống thông tin sẵn có, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo, lãng phí;
- c) Thu thập, chuẩn hóa, tạo lập dữ liệu để hình thành cơ sở dữ liệu;
- d) Các hoạt động khác theo quy định pháp luật.

2. Thu thập, chuẩn hóa, tạo lập dữ liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu thành phố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Yêu cầu về thu thập, tạo lập và chuẩn hóa dữ liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

4. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu thành phố phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin, các quy định về đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cơ sở dữ liệu thành phố chưa được xây dựng, các sở, ban, ngành, địa phương được phép thu thập dữ liệu và đưa vào cơ sở dữ liệu của sở, ban, ngành, địa phương, đồng thời phải bảo đảm sẵn sàng phục vụ tích hợp vào cơ sở dữ liệu thành phố.

Điều 8. Cập nhật cơ sở dữ liệu thành phố

1. Cập nhật cơ sở dữ liệu thành phố bao gồm các hoạt động:

- a) Bổ sung dữ liệu;
- b) Điều chỉnh dữ liệu.

2. Nguồn cập nhật dữ liệu trong cơ sở dữ liệu thành phố bao gồm:

- a) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính;
- b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- c) Các cơ sở dữ liệu khác có liên quan khi có thay đổi;
- d) Nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Cập nhật dữ liệu chủ theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

4. Dữ liệu tham chiếu đến dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu thành phố khác phải được cập nhật kịp thời theo mọi thay đổi của dữ liệu chủ.

5. Cơ quan, tổ chức thực hiện cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu thành phố chịu trách nhiệm bảo đảm tính chính xác của dữ liệu chủ tại thời điểm cập nhật. Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố chịu trách nhiệm đối với mọi sai sót, thay đổi phát sinh trong quá trình quản lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu.

6. Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố có trách nhiệm ban hành quy trình cập nhật dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu và dữ liệu khác trong cơ sở dữ liệu thành phố, tổ chức và giám sát việc thực hiện cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu thành phố.

Điều 9. Duy trì cơ sở dữ liệu thành phố

Duy trì cơ sở dữ liệu thành phố bao gồm các hoạt động sau:

1. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu trong cơ sở dữ liệu thành phố theo quy định.

2. Duy trì hoạt động, vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố.

3. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố đáp ứng yêu cầu cấp độ hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

Điều 10. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố

1. Mục đích khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố

a) Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp;

b) Cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản trị công;

c) Giám sát, phân tích, nghiên cứu, hoạch định chính sách phát triển thành phố;

d) Hỗ trợ quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền;

đ) Tạo lập, chuẩn hóa, đồng bộ các cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương, cơ sở dữ liệu của cơ quan khác của thành phố;

e) Cung cấp thông tin, dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp để phát triển kinh tế số, xã hội số;

g) Phục vụ công tác phòng, chống tội phạm;

h) Các mục đích khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Đối tượng khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố

Các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, UBND, Tòa án, Viện kiểm sát, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ thành phố đến cấp xã và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố theo mục đích khai thác, sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cách thức khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố

a) Khai thác, sử dụng trực tiếp trên hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố; tra cứu, tìm kiếm qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng dữ liệu thành phố, Cổng Thông tin điện tử của chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố, Nền tảng định danh và xác thực điện tử và các phương tiện khác do cơ quan có thẩm quyền cung cấp;

b) Khai thác, sử dụng gián tiếp qua kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Khai thác, sử dụng qua việc gửi văn bản đến cơ quan có thẩm quyền;

d) Khai thác, sử dụng qua các phương tiện khác được cơ quan có thẩm quyền cung cấp theo quy định của pháp luật.

4. Khai thác, sử dụng gián tiếp qua kết nối, chia sẻ dữ liệu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố

1. Người đứng đầu cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố có trách nhiệm ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố thuộc phạm vi quản lý.

2. Việc xây dựng quy chế được căn cứ vào các nội dung sau: Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của cơ quan chủ quản; mục tiêu xây dựng và dữ liệu chủ; phạm vi, quy mô dữ liệu; đối tượng, mục đích khai thác, sử dụng; phương thức chia sẻ; thực trạng và yêu cầu phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở dữ liệu thành phố.

3. Nội dung chính của Quy chế, bao gồm: Đối tượng và phạm vi khai thác, sử dụng; trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, duy trì dữ liệu và vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố; điều kiện, yêu cầu, quy trình kết nối và chia sẻ dữ liệu; hình thức khai thác, sử dụng dữ liệu; chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm Quy chế.

4. Quy chế không được quy định thêm các điều kiện làm hạn chế phạm vi, đối tượng khai thác, sử dụng dữ liệu so với các quy định của pháp luật.

Điều 12. Quản lý cơ sở dữ liệu thành phố

Quản lý cơ sở dữ liệu thành phố bao gồm các hoạt động sau:

1. Quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. Quản lý kiến trúc dữ liệu, bao gồm thiết kế và duy trì cơ sở hạ tầng dữ liệu nhằm bảo đảm khả năng tích hợp, chất lượng và khả năng truy cập dữ liệu.

3. Quản lý, thiết kế các mô hình dữ liệu, bao gồm việc xác định cấu trúc và các mối liên kết của dữ liệu nhằm phục vụ cho quá trình xây dựng, khai thác, sử dụng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu thành phố.

4. Lưu trữ dữ liệu và vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố, bao gồm bảo đảm việc lưu trữ dữ liệu an toàn, đồng thời duy trì tính sẵn sàng và hiệu quả trong khai thác, sử dụng dữ liệu.

5. An toàn dữ liệu, bao gồm ngăn chặn truy cập, tiết lộ, rò rỉ, khai thác, sử dụng trái phép; bảo vệ dữ liệu cá nhân và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

6. Quản lý tích hợp dữ liệu, bao gồm kết nối, đồng bộ dữ liệu từ các nguồn khác nhau, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu thành phố với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác của các sở, ban, ngành, địa phương.

7. Quản lý dữ liệu chủ bao gồm lựa chọn công nghệ, công cụ và quy trình phù hợp nhằm bảo đảm dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu thành phố được thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng một cách chính xác, nhất quán và đầy đủ.

8. Quản lý chất lượng dữ liệu, bao gồm bảo đảm dữ liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời và phù hợp với yêu cầu khai thác, sử dụng.

Điều 13. Bảo đảm nhân lực

1. Chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố có trách nhiệm bảo đảm nhân lực phục vụ quản lý, xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố. Trường hợp nhân lực tại chỗ không đáp ứng được, thì được thuê chuyên gia, tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố được thuê chuyên gia từ ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật để tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu; thực hiện các hoạt động chuyên môn kỹ thuật về quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố.

Điều 14. Bảo đảm kinh phí

1. Kinh phí xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu thành phố sử dụng kinh phí cấp từ ngân sách nhà nước và kinh phí khác theo quy định của pháp luật để phục vụ xây dựng, nâng cấp, vận hành Trung tâm dữ liệu thành phố và hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung cho các cơ sở dữ liệu thành phố đặt tại Trung tâm dữ liệu thành phố.

3. Chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

4. Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp khác để đầu tư xây dựng các cơ sở dữ liệu thành phố; phân bổ kinh phí thường xuyên bảo đảm hoạt động thu thập thông tin, cập nhật, duy trì cơ sở dữ liệu thành phố theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công.

Điều 15. Chia sẻ cơ sở dữ liệu thành phố với cơ sở dữ liệu của cơ quan khác của Nhà nước

1. Chia sẻ cơ sở dữ liệu thành phố với cơ sở dữ liệu của cơ quan khác của Nhà nước là hoạt động chia sẻ dữ liệu. Trong đó, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu thành phố được chuyển sang cơ sở dữ liệu của cơ quan khác của Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ sở dữ liệu thành phố phải được chia sẻ với cơ sở dữ liệu do cơ quan khác của Nhà nước quản lý theo quy định về khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 10 và việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tại Chương III của Quy định này.

Chương III
KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU TRONG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ
CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, KHUNG KIẾN TRÚC TỔNG THỂ
QUỐC GIA, THÀNH PHỐ SỐ

Điều 16. Nguyên tắc chung chia sẻ dữ liệu

Các nguyên tắc chung chia sẻ dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

Điều 17. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

Điều 18. Phương thức kết nối phục vụ chia sẻ dữ liệu

Phương thức kết nối phục vụ chia sẻ dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

Điều 19. Mô hình kết nối phục vụ chia sẻ dữ liệu

Mô hình kết nối phục vụ chia sẻ dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

Điều 20. Hệ thống trung gian trong kết nối phục vụ chia sẻ dữ liệu

1. Hệ thống trung gian thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

2. Vai trò của hệ thống trung gian thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

3. Kinh phí thiết lập dịch vụ, thực hiện chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước qua hệ thống trung gian, kinh phí vận hành hệ thống trung gian bảo đảm từ nguồn ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; kinh phí phát sinh phục vụ thiết lập dịch vụ, thực hiện, quản lý kết nối với các tổ chức, cá nhân không thuộc cơ quan nhà nước do các tổ chức, cá nhân đó chi trả.

Điều 21. Chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn thành phố Huế

1. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn thành phố Huế có trách nhiệm cung cấp, kết nối và chia sẻ dữ liệu theo đúng danh mục, phạm vi, mục đích và yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

2. Nguyên tắc thực hiện chia sẻ dữ liệu bắt buộc

a) Bảo đảm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác dữ liệu thuộc danh mục chia sẻ bắt buộc;

b) Cơ quan quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ dữ liệu thuộc danh mục chia sẻ bắt buộc theo quy định; việc từ chối cung cấp dữ liệu chỉ được thực hiện trong trường hợp dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc thuộc trường hợp bị hạn chế theo quy định của pháp luật;

c) Ưu tiên áp dụng kết nối tự động, theo thời gian thực thông qua hệ thống trung gian chia sẻ dữ liệu của thành phố;

d) Bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh mạng và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

3. Trách nhiệm của cơ quan cung cấp dữ liệu bắt buộc

a) Cập nhật, duy trì tính chính xác, đầy đủ và sẵn sàng của dữ liệu thuộc danh mục chia sẻ bắt buộc;

b) Thực hiện công bố giao diện lập trình ứng dụng (API) hoặc phương thức chia sẻ theo yêu cầu của hệ thống trung gian;

c) Bảo đảm nhân lực, hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc chia sẻ dữ liệu bắt buộc liên tục, ổn định;

d) Không thu phí đối với dữ liệu thuộc danh mục chia sẻ bắt buộc.

4. Trách nhiệm của cơ quan khai thác dữ liệu bắt buộc

a) Chỉ sử dụng dữ liệu đúng mục đích theo quy định của Nghị định số 278/2025/NĐ-CP và mục đích công vụ;

b) Không sử dụng dữ liệu bắt buộc để cung cấp, chia sẻ lại trái quy định;

c) Quản lý việc truy cập, lưu trữ, khai thác dữ liệu đúng quy định về an toàn thông tin.

5. Giám sát và xử lý vi phạm

a) Mọi giao dịch chia sẻ dữ liệu bắt buộc phải được ghi nhận, theo dõi và lưu vết trên hệ thống trung gian của thành phố;

b) Cơ quan không cung cấp dữ liệu bắt buộc, cung cấp chậm hoặc cung cấp không đúng quy định sẽ bị xử lý theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Điều 22. Hạng mục phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

Hạng mục phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo Quy định tại Điều 21 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

Điều 23. Nhân lực phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu

Nhân lực phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

Điều 24. Chi phí khai thác dữ liệu

Chi phí khai thác dữ liệu thực hiện theo quy định Điều 23 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

Điều 25. Khung kiến trúc số thành phố

Khung kiến trúc số thành phố thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0.

Điều 26. Nội dung chính của khung kiến trúc số thành phố

Nội dung và kiến trúc thành phần của Khung kiến trúc số thành phố được quy định tại Điều 25 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

Chương IV**DỮ LIỆU MỞ VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ DỮ LIỆU MỞ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC****Điều 27. Công bố mở**

Dữ liệu mở và nội dung Công bố mở thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

Điều 28. Cung cấp dữ liệu mở

1. Dữ liệu mở được cung cấp phải bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

2. Việc cung cấp dữ liệu mở phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm triển khai các nội dung sau:

a) Ban hành, triển khai kế hoạch cung cấp dữ liệu mở kèm theo danh mục dữ liệu mở được cung cấp theo từng giai đoạn, trên cơ sở ý kiến thống nhất của Công an thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan;

b) Xác định cơ chế thu thập, phân tích thông tin phản hồi của cá nhân, tổ chức về việc sử dụng dữ liệu mở; chỉ định đầu mối liên hệ, tiếp nhận thông tin phản hồi của tổ chức, cá nhân về các vấn đề liên quan đến chất lượng, tính khả dụng, định dạng và việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến dữ liệu mở;

c) Áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong quá trình xây dựng và công bố dữ liệu mở có liên quan trực tiếp đến an toàn cho con người và tài sản bị ảnh hưởng;

d) Thực hiện các giải pháp khuyến khích tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu mở; tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân để xác định mức độ ưu tiên và thực hiện công bố dữ liệu mở phù hợp với nhu cầu; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, mở rộng dữ liệu mở.

Điều 29. Hình thức cung cấp dữ liệu mở

1. Dữ liệu mở được cung cấp dưới hình thức các tập dữ liệu mở.
2. Tập dữ liệu mở bao gồm các thành phần theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.
3. Dữ liệu mở phải được cung cấp trên ít nhất một trong các kênh giao tiếp trên Internet theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.
4. Cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu mở có trách nhiệm tự thực hiện việc cung cấp hoặc gửi tập dữ liệu mở cho Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện việc cung cấp dữ liệu trên các kênh theo quy định tại khoản 3 Điều này.
5. Danh mục dữ liệu chuyên ngành trên hệ thống dữ liệu mở thành phố như phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 30. Bảo đảm chi phí, nhân lực, hạ tầng thực hiện quy định về dữ liệu mở

Chi phí, nhân lực, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cung cấp dữ liệu mở thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 31. Trách nhiệm của chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố**

1. Chủ trì xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu thành phố; cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu thành phố; bảo đảm hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thành phố hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm chủ quản hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Trường hợp hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố được xác định là hệ thống thông tin quan trọng về an ninh thành phố, cơ quan chủ quản có trách nhiệm thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật liên quan.
3. Phân công đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu; bảo đảm tổ chức bộ máy, quản lý nhân lực; thực hiện thu hút, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thuê chuyên gia để phục vụ việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố.
4. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố với hệ thống thông tin khác thông qua hệ thống trung gian, phù hợp Khung kiến trúc số thành phố; cung cấp dữ liệu từ cơ sở dữ liệu thành phố lên Cổng dữ liệu thành phố phục vụ cơ quan, tổ chức và cá nhân khai thác.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm an toàn thông tin mạng, bảo vệ hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố xây dựng kế hoạch, lộ trình và đề xuất kinh phí để thực hiện việc chuyển hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố về Trung tâm dữ liệu thành phố.

7. Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu thành phố với cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương; quy chế khai thác và sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu thành phố.

Điều 32. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu

1. Tham mưu cho cơ quan chủ quản trong việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định, quy chế liên quan đến cơ sở dữ liệu thành phố; tổ chức thực hiện các quy định, quy chế; thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, quy chế liên quan đến cơ sở dữ liệu thành phố.

2. Thực hiện việc quản trị dữ liệu; quản lý, thiết kế mô hình dữ liệu; quản lý việc tích hợp và tương tác dữ liệu; quản lý chất lượng dữ liệu; an toàn dữ liệu; quản lý dữ liệu chủ trong phạm vi cơ sở dữ liệu thành phố.

Điều 33. Trách nhiệm của đơn vị vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố

1. Vận hành hạ tầng kỹ thuật, phần cứng, phần mềm, nền tảng, ứng dụng và hệ thống mạng để bảo đảm duy trì hoạt động ổn định, liên tục của hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu thành phố. Trường hợp đơn vị vận hành là tổ chức, doanh nghiệp được đơn vị chủ quản thuê dịch vụ, thì không được nắm giữ hoặc quản lý tài khoản quản trị hệ thống thông tin và tài khoản quản trị cơ sở dữ liệu.

2. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của đơn vị vận hành hệ thống thông tin theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Điều 34. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Xây dựng, quản lý, vận hành và duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố phục vụ kết nối giữa các cơ sở dữ liệu thành phố với nhau và giữa cơ sở dữ liệu thành phố với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành và hệ thống thông tin khác; quản lý danh mục dịch vụ chia sẻ dữ liệu trong cơ quan nhà nước.

2. Chủ trì, phối hợp với chủ quản cơ sở dữ liệu thành phố và các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành hoặc gửi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chung về công nghệ thông tin phục vụ xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố.

3. Tổng hợp, đánh giá, đề xuất UBND thành phố ban hành, cập nhật, điều chỉnh danh mục cơ sở dữ liệu thành phố.

Điều 35. Trách nhiệm của Công an thành phố

1. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thành phố.

2. Chủ trì giám sát, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng các hệ thống cơ sở dữ liệu thành phố theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ định kỳ đánh giá hạ tầng Trung tâm dữ liệu thành phố.

Điều 36. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất kinh phí của cơ quan quản lý Trung tâm dữ liệu thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 37. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương

1. Bố trí kinh phí để thực hiện cập nhật dữ liệu và tổ chức cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu thành phố thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu thành phố, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi quản lý cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Rà soát, điều chỉnh các quy định, thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu thành phố phục vụ khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.

4. Đề xuất bổ sung, cập nhật, điều chỉnh danh mục cơ sở dữ liệu thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này, phù hợp với nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong từng giai đoạn phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số, kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý.

5. Cung cấp thông tin, cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu thành phố và chịu trách nhiệm về độ chính xác, toàn vẹn các thông tin, dữ liệu được cập nhật.

Điều 38. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP./.